

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến giá dầu thế giới kích hoạt hoạt động chốt lời

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL lao dốc mạnh

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

DXG, PNJ

[Cập Nhật Công Ty]

VCB, DXG, VHC, VPB, BSR, ANV

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập

21/04/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	766.84	-3.54
VN30	706.65	-4.03
HĐTL VN30	670.10	-5.62
HNXIndex	104.70	-4.54
HNX30	198.58	-4.91
UPCoM	51.18	-2.77
USD/VND	VND23,462	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.18	+2
Lãi suất qua đêm (%)	2.36	+71
Dầu (WTI, \$)	-37.63	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,694.61	-0.06



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 766.84 (-3.54%)
KLGD (triệu CP) 369.5 (+24.2%)
GTGD (triệu US\$) 260.1 (+17.5%)

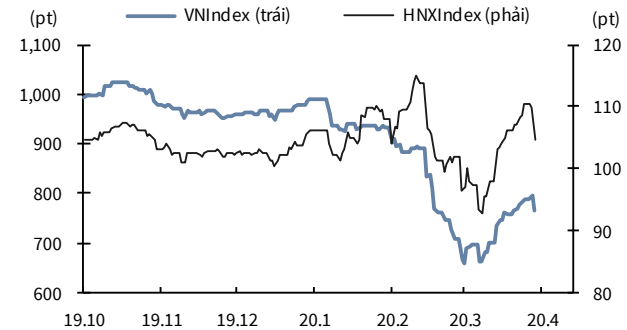
HNXIndex 104.70 (-4.54%)
KLGD (triệu CP) 73.3 (+8.1%)
GTGD (triệu US\$) 28.2 (+5.8%)

UPCoM 51.18 (-2.77%)
KLGD (triệu CP) 28.4 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 10.5 (-5.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -10.5

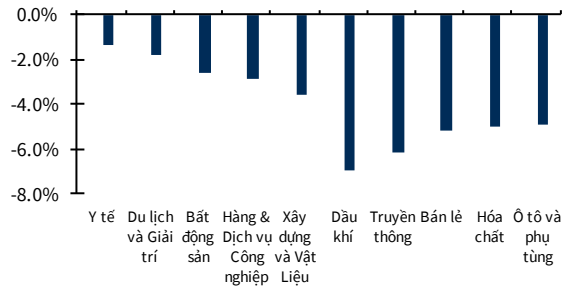
Diễn biến lao dốc của giá dầu thế giới kích hoạt hoạt động chốt lời của nhà đầu tư khiến TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm sâu, rộng. Toàn bộ 30 cổ phiếu trong rổ VN30 đều giảm điểm, trong đó bao gồm 5 mã giảm sàn. Nhóm cổ phiếu dầu khí dẫn dắt xu hướng điều chỉnh của thị trường chung với hàng loạt các mã giảm sàn như PVD (-7%), PVS (-9.3%)... Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng lao dốc mạnh khi mà nhiều công ty trong ngành báo cáo KQKD Q1 sụt giảm do thua lỗ ở hoạt động tự doanh. Tương tự, cổ phiếu ngành ngân hàng giảm điểm trên diện rộng ở VPB (-6.9%), BID (-6.5%)... trước các lo ngại của nhà đầu tư về tác động của Covid-19 đến KQKD Q1 tới đây được công bố. Phản ứng trước phát biểu của Thủ tướng trong cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá về việc Chính phủ sẽ quyết liệt đưa ra các giải pháp giảm giá thị lớn xuống mức 60,000 VNĐ/kg, nhóm cổ phiếu chăn nuôi lợn sụt giảm mạnh ở MML (-6.4%), DBC (-6.9%). Trong khi đó, cổ phiếu ngành hàng không như VJC (-1.9%), HVN (-1.6%)... diễn biến bất tiêu cực hơn so với thị trường chung nhờ hưởng lợi từ diễn biến giảm của giá dầu và kỳ vọng vào việc nhiều đường bay trong nước sẽ hoạt động trở lại sau ngày 22/4 tới đây. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở BID (-6.5%), STB (-5.9%), VIC (-3.3%)...

VN Index & HNX Index



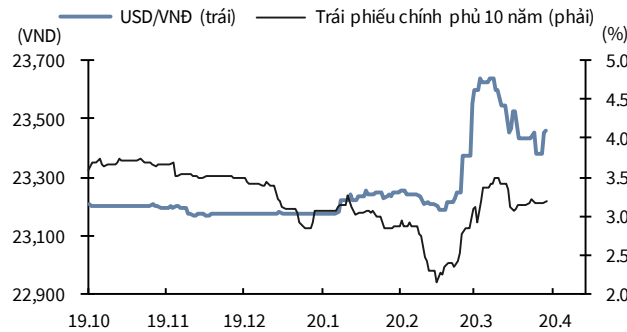
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



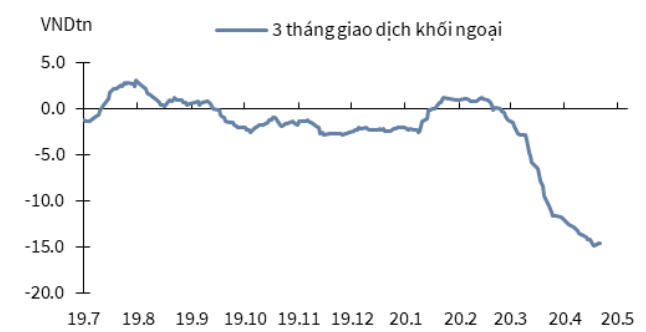
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



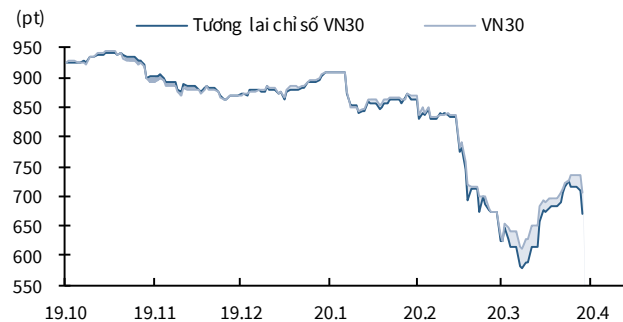
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	706.65 (-4.03%)
VN30 tương lai	670.1 (-5.62%)
Mở cửa	703.5
Cao nhất	703.9
Thấp nhất	668.0
Hợp đồng	231,556 (+44.5%)
KL HĐ mở OI	30,447 (+0.0%)

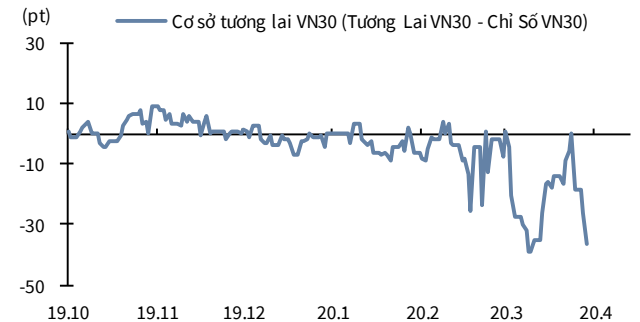
Các HĐTL đồng loạt lao dốc mạnh, tương đồng với xu hướng điều chỉnh sâu của chỉ số VN30 Index. Với việc HĐTL F2005 giảm mạnh hơn thị trường cơ sở, chênh lệch âm ở HĐ này nở rộng lên mức -36.6 điểm. Thanh khoản tăng trở lại lên mức cao khi dòng tiền có xu hướng quay trở lại thị trường phái sinh nhằm tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường cơ sở sụt giảm mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch với khối lượng ở mức cao, bán ròng ở F2005.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



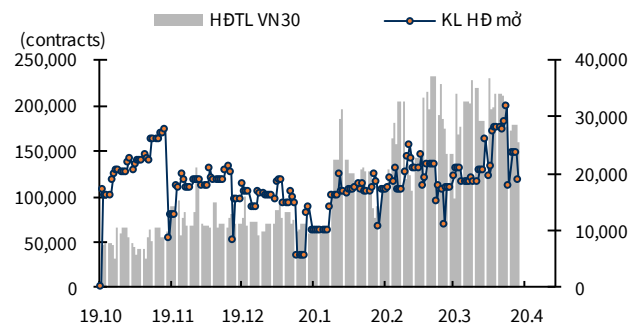
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



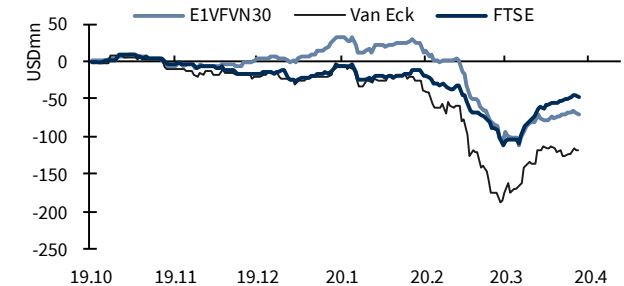
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

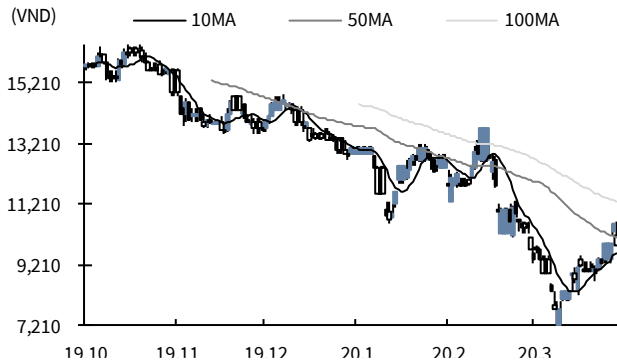
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

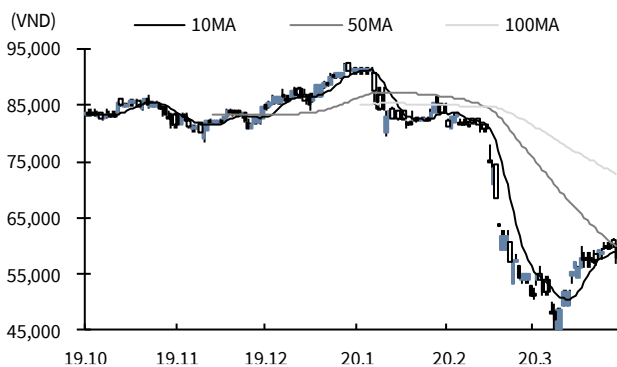
Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG giảm -6.9% xuống 9,820 VNĐ/cp.
- DXG công bố KQKD quý 1 với lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 67.5 tỷ (-78% YoY) và doanh thu đạt 602 tỷ (-60% YoY). Trong đó, doanh thu bán căn hộ và đất nền giảm mạnh xuống còn 22.7 tỷ (-97% YoY), và là mảng đóng góp ít nhất vào cơ cấu doanh thu, xấp xỉ 4%, so với con số 55% cùng kỳ năm trước. Điểm sáng tăng trưởng duy nhất trong doanh thu là phần dịch vụ quản lý, cho thuê và bất động sản đầu tư gấp gần 5 lần, đạt hơn 32 tỷ đồng.

Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ giảm -3.8% xuống 57,900 VNĐ/cp.
- PNJ mới đây công bố KQKD quý 1 với lợi nhuận hợp nhất đạt 408 tỷ (-5% YoY) và doanh thu đạt 5,001 tỷ (+5% YoY). Trong đó, điểm sáng trong KQKD của PNJ đến từ mảng kinh doanh vàng miếng ghi nhận mức tăng 15%
- Trước đó, trong buổi gặp gỡ trực tuyến giới phân tích gần đây, lãnh đạo PNJ cho biết để ứng phó với dịch bệnh Covid-19, doanh nghiệp đang tiến hành kiểm soát chặt chẽ chi phí, tăng lượng tiền mặt và tương đương tiền, cơ cấu hàng tồn kho – tạm dừng đặt hàng mới, cơ cấu các kỳ hạn vay và lãi vay ngân hàng, tạm dừng các dự án đầu tư mới.

Ngân hàng TMCP Vietcombank

Kết quả Quý 1 dưới tác động của COVID-19

Lợi nhuận trước thuế trong Q1/2020 của Vietcombank sụt giảm 11% so với cùng kỳ

- Theo BTCT hợp nhất Q1/2020, lợi nhuận trước thuế của Vietcombank đạt 5,223 tỷ đồng, giảm 11.2% so với cùng kỳ năm ngoái. Q1/2020 cũng chứng kiến sự tăng trưởng chậm lại so với cùng kỳ năm ngoái của các mảng kinh doanh của ngân hàng: thu nhập từ lãi (+6.3%); thu nhập từ hoạt động dịch vụ (+5.4%), việc Vietcombank mạnh tay trích lập dự phòng khiến dự phòng rủi ro tăng vọt (+42.9% so với cùng kỳ) là một lí do dẫn đến kết quả Q1/2020 kém khả quan so với mọi năm.
- Bên cạnh đó, chi phí hoạt động tăng 54% so với đầu năm, trong khi chi cho nhân viên không có sự thay đổi lớn với 371 nhân viên thuê mới thì chi phí quản lý công vụ (chiếm đến 41% chi phí) là nguyên nhân chủ yếu tăng chi phí này.
- Chi phí dự phòng và chi phí hoạt động tăng đẩy CIR của Vietcombank từ mức 30% vào cuối năm 2019 lên 40% vào Q1/2020.
- Ngày 13/4/2020, Vietcombank và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (“FWD”) đã chính thức triển khai Thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bancassurance, thời hạn 15 năm, đây có thể là nhân tố giúp cải thiện thu nhập ngoài lãi cho Vietcombank trong 2020 khi dịch được kiểm soát.

Tổng tài sản giảm nhẹ so với đầu năm với những dấu hiệu thận trọng hơn ở tín dụng và huy động do ảnh hưởng của dịch COVID-19

- Tín dụng trong Q1/2020 của Vietcombank tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng 2% so với đầu năm, chủ yếu đến từ cho vay khách hàng (+2.7% so với cuối năm 2019)
- Huy động tiền gửi khách hàng tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái, tỉ lệ CASA giảm nhẹ 1.8% điểm phần trăm từ 28.3% xuống 26.2%
- Tỉ lệ cho vay trên huy động thuần (LDR thuần) ở mức 80%, cho thấy Vietcombank vẫn giữ được thanh khoản cao

Nợ xấu tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp trong hệ thống

- Tỉ lệ nợ xấu tăng từ 0.78% từ cuối năm 2019 lên 0.81% với nợ nhóm 2 tăng lên gấp đôi chiếm 0.67% dư nợ, trong khi đó các khoản phải thu giảm 8% so với số đầu năm. Cùng với đó, tỉ lệ bao phủ nợ xấu cụ thể tăng từ 64% vào cuối năm 2019 lên 71% trong Q1/2020
- Trailing ROA và ROE đạt 1.5% và 21.1%, tương đương với 1.6% và 22.2% so với năm 2019

21/04/2020

Chuyên viên phân tích Bất động sản
Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)

Hoạt động kinh doanh bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19

Lợi nhuận Quý 1/2020 sụt giảm 78% so với cùng kỳ

- Doanh thu quý 1/2020 đạt 602 tỷ VND, giảm 60% yoy và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 68 tỷ VND, giảm 78% yoy. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi là bán căn hộ và đất nền chỉ đạt 23 tỷ VND, giảm tới 97% so với cùng kỳ năm 2019 và chỉ đóng góp gần 4% vào tổng doanh thu.
- Các yếu tố, bao gồm (1) Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; và (2) Những vấn đề pháp lý còn vướng mắc khiến gián đoạn các hoạt động kinh doanh, xây dựng và bàn giao sản phẩm.

Hàng tồn kho và nợ vay tiếp tục tăng

- Tính đến thời điểm cuối quý 1/2020, hàng tồn kho của DXG đạt 8,552 tỷ VND, tăng 26% so với cuối năm 2019, phần lớn là bất động sản dở dang. Trong đó, KDC Long Thành là dự án có giá trị tồn kho cao nhất lên tới 3,211 tỷ VND, tăng gần gấp đôi so với đầu kỳ.
- Hàng tồn kho tăng khiến cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 1,484 tỷ VND. Dòng tiền HĐKD của DXG liên tục âm trong các năm qua, phản ánh sự thiếu hụt nguồn tiền trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cuối quý 1/2020, nợ vay của DXG là 5,610 tỷ VND, tăng 28% so với đầu kỳ, trong đó phần lớn là nợ vay dài hạn bao gồm 1,169 tỷ vay ngân hàng và 4,441 tỷ vay qua phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn tài trợ cho dự án. Tỷ lệ nợ vay/VCSH của DXG hiện là 0.62 lần, cao hơn so với mức bình quân của các doanh nghiệp BĐS.

Tiếp tục mở bán các dự án trong quý 2 và quý 3/2020

- Dự án KDC Long Thành có diện tích 92ha nằm tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Đây là một trong những dự án trọng điểm được DXG đầu tư và kỳ vọng nhanh chóng đem lại lợi nhuận cho Tập đoàn. Dự án hiện đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và dự định sẽ được mở bán trong tháng 6 hoặc tháng 7/2020.
- Ngoài dự án KDC Long Thành, một số dự án khác của Tập đoàn như St. Moritz, Opal Skyline, Opal Cityview dự kiến sẽ được mở bán trong quý 2 và quý 3.

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)

Sản lượng xuất khẩu Quý 1 sang Trung Quốc bị ảnh hưởng nặng bởi COVID-19

Kết quả sơ bộ lợi nhuận ròng quý 1 giảm một nửa xuống còn 152 tỷ đồng do xuất khẩu sang Trung Quốc suy giảm

— Kết quả sơ bộ lợi nhuận ròng quý 1 giảm 51% YoY xuống còn 152 tỷ đồng với doanh thu thuần đạt 1,636 tỷ (giảm 9% YoY) chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang Trung Quốc giảm trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Việc đóng cửa ở Trung Quốc gây ảnh hưởng nặng nề đến sản lượng xuất khẩu cá tra Việt Nam do hầu hết nhu cầu cá tra ở Trung Quốc đến từ các nhà hàng. Sản lượng xuất khẩu tổng thể vẫn tăng so với Q1/2019 – thời điểm sản lượng thấp bất thường do thiếu cá – nhưng giảm dưới mức kỳ vọng do xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh. Giá bán trung bình của cá tra đã nhanh chóng đạt mức bền vững hơn, giảm từ mức cao cuối năm 2018. Giá bán trung bình thấp hơn và việc có đủ cá nguyên liệu đầu vào đã giúp tăng sản lượng tại một số thị trường và bù đắp cho doanh thu yếu hơn tại thị trường Trung Quốc. Tuy vậy, điều này khó có thể kéo dài trong quý 2 do tác động từ COVID-19 lan sang các thị trường xuất khẩu khác. Biên lãi gộp giảm xuống còn 13% từ mức 24% một năm trước với lợi nhuận gộp Quý 1 đạt 218 tỷ đồng do sự sụt giảm mạnh của giá bán trung bình. Mức lãi gộp này có thể sẽ duy trì đến cuối năm khi VHC cho rằng giá bán sẽ không thay đổi nhiều trong khi giá cá nguyên liệu vẫn thấp ở mức 18.500 đồng/kg kể từ giữa năm 2019, gần bằng chi phí nuôi.

Xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 68% nhưng hiện nay mới lo ngại chuyển sang thị trường US/EU

- Sản lượng xuất khẩu chịu ảnh hưởng nặng nhất từ thị trường Trung Quốc, nơi đại dịch COVID-19 bắt đầu. Mặc dù VHC đã cố gắng đa dạng hóa thị trường, Trung Quốc vẫn chiếm khoảng 20% doanh thu trong năm 2019 và việc công ty phụ thuộc vào thị trường này đã buộc kết quả quý 1 phải chịu tác động tiêu cực. Với những dấu hiệu ban đầu cho thấy đại dịch có thể đã được kiểm soát ở Trung Quốc, VHC lạc quan cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục hoàn toàn vào giữa năm 2020.
- Tuy nhiên, mối lo ngại hiện nay nằm ở thị trường Mỹ và EU khi tâm chấn của đại dịch chuyển sang các thị trường này kể từ tháng 4. VHC cho rằng tác động của đại dịch có thể sẽ được phản ánh trong kết quả quý 2, đặc biệt là ở Mỹ, với cơ cấu xuất khẩu của VHC sang hai thị trường này lần lượt là 40% và 12% trong năm 2019, và 46% và 17% trong quý 1/2020.

Lợi nhuận 2020 kỳ vọng giảm 10% so với 2019 dù trong kịch bản lạc quan

- Trong kịch bản lạc quan, ban lãnh đạo VHC đặt ra kế hoạch lợi nhuận năm 2020 là 1,063 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2019 với giả định xuất khẩu cá tra trên toàn thế giới sẽ phục hồi trong quý 3. Về trường hợp xấu nhất khi sự sụt giảm nhu cầu cá tra tiếp tục kéo dài đến hết năm và ngoại tệ tiếp tục biến động mạnh, VHC ước tính lãi ròng có thể giảm xuống mức thấp nhất là 800 tỷ đồng (-33% YoY) cùng với doanh thu 6,450 tỷ đồng (-18% YoY).

Ngân hàng TMCP VPBank

Lợi nhuận Q1 tăng nhờ đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bất chấp dịch COVID-19

Kết quả kinh doanh khả quan trong Quý 1/2020

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 2,911 tỷ đồng trong Quý 1/2020, tăng 63% so với cùng kỳ năm trước đến từ cả thu nhập lãi (+14% so với cùng kỳ) và thu nhập dịch vụ (+33% so với cùng kỳ) và các hoạt động mua bán danh mục chứng khoán (cao gấp 4 lần cùng kỳ). Trong đó, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng riêng lẻ là 2.074 tỷ đồng.
- Chi phí hoạt động dường như không tăng so với cuối năm 2019 và tăng 10.3% so với cùng kỳ và CIR của ngân hàng được cải thiện, giảm từ 33.9% vào cuối năm 2019 xuống còn 33.1% vào Quý 1/2020 (giảm 4.3% so với cùng kỳ).
- Chi phí dự phòng tăng 16% so với cùng kỳ và tăng 49% nếu lược bỏ đi phần chi phí dự phòng cho trái phiếu VAMC đã hoàn tất trong năm 2019, từ đó tỉ lệ dự phòng trên nợ xấu nợ xấu Q1/2020 là 46%, tăng 8% so với cùng kỳ.

Tín dụng tăng trưởng nhờ vào hoạt động mua trái phiếu

- Tín dụng tăng 21% so với cùng kỳ, tăng 7.8% so với đầu năm, một phần nhờ tích cực mua trái phiếu khi danh mục trái phiếu của ngân hàng tăng 41% so với cùng kỳ (tăng 59% so với đầu năm). Cơ cấu danh mục cũng có nhiều thay đổi khi phần trăm trái phiếu chính phủ nắm giữ giảm từ 45% trong cuối năm 2019 xuống còn 40%, trái phiếu doanh nghiệp chiếm tới 32% tổng danh mục trái phiếu và tăng lên gấp đôi theo cả giá trị và 1.5 lần tỉ trọng danh mục tính từ đầu năm 2019. Cũng trong Q1/2020, VPB có thêm khoản đầu tư 9,038 tỷ đồng vào Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.
- Trong khi đó, huy động khách hàng tuy tăng 15% so với cùng kỳ song tính từ thời điểm đầu năm 2019 đến hết Quý 1/2020 chỉ tăng số không đáng kể, 0.8%, dẫn tới tỉ lệ cho vay trên huy động thuần (LDR thuần) ở mức khá cao, 112%. Chính vì thế, vay nợ từ thị trường liên ngân hàng của VPBank trong Q1/2020 cũng tăng cao để có thêm nguồn vốn lưu động khi số tiền gửi và vay các TCTD khác của ngân hàng tăng 60% so với cùng kỳ chủ yếu là đi vay. Một điểm đáng chú ý là trong Q1/2020, VPB huy động được vốn từ Công ty Tài chính Quốc Tế IFC 208 triệu USD tương đương với 4,909 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động cho vay và đầu tư của mình.

Tài sản chưa có dấu hiệu bị ảnh hưởng

- Thông tư số 01/2020/TT NHNN về việc giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 phần nào giúp cho VPBank quản lý cơ cấu nợ khi tỉ lệ nợ xấu hợp nhất vào Quý 1/2020 còn 3.03%, giảm từ mức 3.42% của đầu năm; đối với ngân hàng mẹ, nợ xấu giảm từ 2.69% xuống 2.65% trong 3 tháng đầu năm 2020.

CTCP Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR)

COVID-19 đặt áp lực lên nhu cầu lọc hóa dầu

Doanh thu và lợi nhuận Q1 giảm vì giá dầu Brent và giá sản phẩm rớt mạnh

— COVID-19 khiến nhu cầu ở thị trường dầu thô và hóa dầu giảm mạnh. Giá của xăng RON 92, RON 95, dầu Diesel (thị trường Singapore) giảm lần lượt 16.6%, 8.9% và 15.5%, khiến doanh thu của 3 sản phẩm chính giảm (Tổng doanh thu Q1 2020 là 17.9 nghìn tỷ VND, thấp hơn 15.5% cùng kỳ). Mặt khác, Giá vốn hàng bán đạt 19.9 nghìn tỷ, thấp hơn 10.8% cùng kỳ nhưng giá vốn hàng bán Q1 2020 lại cao hơn doanh thu vì giá Brent Q1 giảm mạnh so với Q4 (giá dầu Brent giảm 29% QoQ và vòng quay hàng tồn kho BSR khoảng 30 ngày). Biên lợi nhuận gộp Q1 đạt mức âm (-11.9%), giống như những gì đã xảy ra vào Q4 2018: Brent giảm 20% QoQ. Chi phí nguyên liệu dầu thô chiếm 94% tổng chi phí vận hành.

Đại tu (3 năm/lần) sẽ diễn ra vào quý 2 hoặc quý 3 2020

— Đại tu sẽ tốn nhà máy BSR được dự kiến diễn ra vào Q2 hoặc Q3 và mất khoảng 2 tháng. Công suất sẽ giảm còn 98% (so với 110% thông thường), tương đương tổng sản lượng sẽ giảm 20%.

Khó khăn trong việc tài trợ nâng cấp nhà máy

— Dựa vào kế hoạch lúc IPO, BSR sẽ cần 1.8 tỷ USD nhằm mục đích mở rộng và nâng cấp nhà máy. Tuy nhiên, dự án này sẽ không được tài trợ bởi chính phủ. BSR đã nộp đơn cho 3 kế hoạch gọi vốn, bao gồm cả vay quốc tế, vay từ cổ đông của PVN hay những khoản vay tài trợ bởi PVN. Nếu BSR không đủ khả năng gọi vốn được 1.8 tỷ USD, BSR vẫn cần 300 triệu USD để nâng cấp công suất hiện tại nhằm đáp ứng chuẩn EURO V. Dù vậy, theo ban lãnh đạo, BSR đang gặp khó khăn trong việc tìm được bên tài trợ vốn.

CTCP Nam Việt (ANV)

Lợi nhuận Quý 1 bị ảnh hưởng nặng do phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc

Kết quả sơ bộ lợi nhuận ròng quý 1 giảm mạnh 78% YoY do doanh thu xuất khẩu suy giảm

— Lợi nhuận hợp nhất sơ bộ Quý 1 giảm 78% YoY xuống còn 43.4 tỷ đồng với doanh thu thuần đạt 811 tỷ (giảm 11% YoY), chủ yếu do 1) doanh thu xuất khẩu giảm do phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc, 2) biên lãi gộp giảm mạnh và 3) chi phí bán hàng tăng cao. Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng 70% tổng doanh thu của ANV trong Quý 1, giảm 23% YoY do ảnh hưởng mạnh từ việc đóng cửa vì dịch bệnh tại thị trường Trung Quốc. Biên lãi gộp giảm từ mức 30% năm 2019 xuống còn 15% cho Quý 1 với lợi nhuận gộp Quý 1 đạt 121 tỷ đồng (-56% YoY) do giá bán trung bình của ngành cá tra Việt Nam sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Chi phí bán hàng trong Quý 1 tăng khoảng 31% YoY lên 55 tỷ đồng chủ yếu đến từ chi phí hoa hồng, chi phí vận chuyển và các dịch vụ mua ngoài như tiền thuê kho bãi.

Cần thêm thông tin về việc chuyển trọng tâm từ thị trường Trung Quốc sang thị trường ASEAN và EU

— Thị trường Trung Quốc là một thị trường quan trọng của ANV, chiếm 30.5% tổng doanh thu xuất khẩu của ANV trong năm 2019. Để ứng phó với đại dịch hiện nay, trong Quý 1 ANV đã có chiến lược nhanh chóng chuyển đổi trọng tâm từ thị trường chủ lực này sang thị trường ASEAN và EU. Việc này đã dẫn đến sự thay đổi trong tỷ trọng doanh thu xuất khẩu của các thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2020, với EU tăng từ mức 14% năm 2019 lên mức 23% và ASEAN tăng từ mức 20% lên 39%. Tuy vậy, với kết quả kinh doanh quý 1 sụt giảm mạnh, cần có thêm thông tin để đánh giá liệu việc chuyển đổi thị trường này có được tiếp tục trong tháng 3 hay không.

Kế hoạch lợi nhuận 2020 giảm 72% so với 2019

— Ban lãnh đạo ANV đặt ra kế hoạch lợi nhuận 2020 là 200 tỷ đồng (-72% YoY) cùng với doanh thu thuần 3,000 tỷ (-33% YoY). Sau khi ANV thông báo mức cổ tức tiền mặt 1000 đồng/cổ phiếu cho năm 2019 vào tháng 3 năm nay, vẫn chưa có thông tin cụ thể gì thêm về mức cổ tức còn lại cho năm 2019. Công ty đã điều chỉnh mức cổ tức mục tiêu cho năm 2020 xuống còn 1,000 đồng/cổ phiếu từ dự kiến ban đầu là 2,000 đồng/cổ phiếu cho giai đoạn 2020-2024.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : TradingView, KB Securities Vietnam

- VNIndex chấm dứt chuỗi tăng điểm bằng một phiên điều chỉnh mạnh, xóa hết thành quả của 5 phiên liền trước.
- Với phiên giảm điểm tiêu cực này, chúng tôi điều chỉnh vùng hỗ trợ gần của chỉ số xuống 74x, nơi hội tụ của đường trung bình 20 ngày và mốc Fibonacci 38.2%.
- NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ Số VN30



Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30F1M



- Chỉ số VN30 cũng ghi nhận phiên lao dốc mạnh, xác nhận tín hiệu đảo chiều sau phiên hôm trước.
- Chúng tôi cho rằng áp lực giảm điểm đang khá mạnh và có thể đẩy chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ gần tại 68x trước khi xuất hiện nhịp hồi phục trở lại.
- NĐT được khuyến nghị thực hiện chốt lời vị thế SHORT qua đêm đã mở đối với F1 tại vùng hỗ trợ 65x (tương ứng 68x của VN30).

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

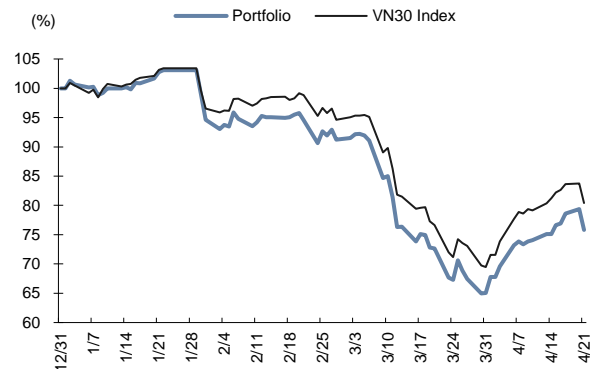
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.03%	-4.45%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.61%	-24.18%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/04/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,400	-5.8%	-31.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi của ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	21,500	-1.4%	-19.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	57,900	-3.8%	-24.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,650	-6.0%	-20.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,300	-5.0%	-13.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	49,300	-3.9%	28.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	18,800	-5.3%	-23.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	115,000	-1.9%	-11.0%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá đầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,200	-4.7%	-13.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	11,850	-6.7%	-13.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-4.7%	36.5%	60.3
VHM	-0.7%	14.7%	28.1
HDB	-0.1%	21.8%	8.3
VNM	-3.2%	58.7%	6.9
HSG	-6.9%	17.5%	5.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BID	-6.5%	17.9%	-36.4
STB	-5.9%	10.9%	-33.2
VIC	-3.3%	14.2%	-32.1
VCB	-0.6%	23.7%	-30.6
E1VFN30	-3.9%	98.5%	-31.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-6.2%	2.5%	0.8
AMV	-4.9%	2.6%	0.3
WCS	0.1%	26.3%	0.2
INN	-2.0%	9.5%	0.1
VMC	0.0%	2.7%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-9.8%	8.2%	-15.4
HUT	0.0%	12.2%	-5.4
PVS	-9.3%	15.1%	-3.7
PLC	-1.3%	1.1%	-2.4
PVC	-8.9%	13.1%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	14.9%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	6.4%	HVN, VJC
Ô tô và phụ tùng	5.4%	TCH, CSM
Bán lẻ	5.3%	MWG, FRT
Dầu khí	2.9%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-3.3%	GVR, HRC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.9%	GAS, GEG
Bất động sản	-1.4%	VIC, VRE
Dịch vụ tài chính	-1.4%	SSI, IBC
Ngân hàng	-1.3%	BID, VPB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	36.0%	BVH, BMI
Du lịch và Giải trí	27.4%	HVN, VJC
Thực phẩm và đồ uống	20.2%	SAB, VNM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.5%	GAS, POW
Bất động sản	15.8%	VIC, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	6.5%	TVB, VND
Ô tô và phụ tùng	6.6%	SRC, TMT
Xây dựng và Vật Liệu	8.7%	ROS, CTI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.0%	CAV, STG
Bán lẻ	11.2%	ABS, DGW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,000	314,566 (13,407)	110,287 (4.7)	22.4	42.0	24.9	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	-3.3	-2.7	12.7	-19.1
	VHM	VINHOMES JSC	68,000	223,687 (9,534)	54,173 (2.3)	34.3	8.2	7.0	35.4	38.4	32.5	2.6	1.9	-0.7	0.0	6.6	-19.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	24,400	55,445 (2,363)	72,874 (3.1)	17.2	18.2	14.6	14.0	10.8	12.1	1.9	1.7	-6.9	-6.9	19.6	-28.2
	NVL	NOVA LAND INVES	52,500	50,901 (2,170)	24,179 (1.0)	32.3	18.9	18.5	-11.3	12.0	11.8	2.0	1.8	-0.4	1.2	2.9	-11.8
	KDH	KHANGDIENHOUSE	20,400	11,106 (473)	9,775 (0.4)	4.8	9.7	8.5	16.8	14.6	15.2	1.3	1.2	-2.4	1.0	2.0	-24.2
	DXG	DAT XANH GROUP	9,820	5,095 (217)	25,712 (1.1)	7.6	4.1	3.4	-6.2	14.1	17.6	0.6	0.6	-6.9	9.7	-6.0	-32.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	71,500	265,185 (11,303)	102,779 (4.4)	6.3	14.1	11.8	17.9	21.7	20.5	2.6	2.2	-0.6	2.3	16.3	-20.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,700	139,564 (5,949)	49,674 (2.1)	12.2	16.8	13.1	13.1	12.8	12.4	1.7	1.5	-6.5	-4.9	4.8	-24.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	16,850	58,977 (2,514)	37,358 (1.6)	0.0	5.4	4.7	8.9	17.1	17.6	0.8	0.7	-4.8	-1.7	-2.9	-28.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	18,800	70,000 (2,984)	124,873 (5.3)	0.3	7.3	5.0	35.2	13.8	17.0	0.8	0.7	-5.3	-2.1	-5.1	-10.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,550	47,658 (2,031)	83,710 (3.6)	0.3	5.1	4.3	11.8	20.5	19.7	0.9	0.8	-6.9	-8.2	-7.1	-2.3
	MBB	MILITARY COMMERC	15,650	37,739 (1,609)	115,819 (4.9)	0.0	4.1	3.7	19.3	21.5	20.9	0.8	0.7	-6.0	-1.6	-2.2	-24.8
	HDB	HDBANK	20,100	19,415 (828)	32,752 (1.4)	8.2	5.1	4.4	17.0	21.4	20.7	0.9	0.7	-5.9	0.5	-3.8	-27.0
	STB	SACOMBANK	8,990	16,215 (691)	97,062 (4.1)	12.7	6.0	4.8	39.1	10.1	12.7	0.6	0.5	-5.9	-1.9	-8.3	-10.5
	TPB	TIENPHONG COMME	17,200	14,045 (599)	4,864 (0.2)	0.0	3.7	3.5	44.5	25.7	21.6	0.9	-	-6.0	-0.9	-21.5	-18.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,150	18,626 (794)	6,559 (0.3)	0.0	20.1	20.6	18.6	5.8	5.3	1.1	1.1	-0.3	0.0	-5.0	-14.9
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	45,600	33,850 (1,443)	33,603 (1.4)	20.2	27.7	20.4	1.0	6.9	9.0	1.7	1.6	-4.7	-1.3	31.4	-33.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,500	1,873 (0.80)	6,906 (0.3)	12.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	11.4	20.6	-17.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	12,850	7,722 (329)	46,871 (2.0)	48.6	7.9	7.2	-11.9	10.5	10.6	-	-	-6.2	-2.7	7.6	-17.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	17,800	2,924 (125)	6,452 (0.3)	65.7	-	-	-	14.1	-	-	-	-6.8	1.7	-1.9	-39.7
	HCM	HOCHIMINH CITY	15,700	4,793 (204)	30,292 (1.3)	45.8	4.4	-	15.7	12.5	-	-	-	-4.6	-1.3	12.5	-26.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,000	2,294 (0.98)	8,919 (0.4)	11.2	-	-	-	10.4	-	-	-	-6.8	-2.2	-13.4	-23.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	96,800	168,565 (7,185)	158,470 (6.7)	41.3	17.1	15.8	3.7	38.2	38.9	5.7	5.2	-3.2	-2.2	7.6	-16.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	170,000	109,018 (4,647)	14,500 (0.6)	36.6	23.8	20.1	7.5	24.3	26.5	5.4	4.8	-3.9	18.5	34.9	-25.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,600	66,162 (2,820)	117,244 (5.0)	13.0	25.0	19.6	-30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	-4.7	-7.2	15.0	0.2
HNG	HOANGANH GIA LA	12,650	14,023 (598)	3,816 (0.2)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	0.0	-0.4	-9.0	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	115,000	60,241 (2,568)	30,470 (1.3)	11.3	14.2	12.0	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.1	-1.9	2.0	11.7	-21.3
	GMD	GEMADEPT CORP	16,900	5,018 (214)	7,148 (0.3)	0.0	12.3	10.7	-53.2	7.3	8.3	0.8	0.8	-5.8	1.2	2.7	-27.5
	CII	HOCHIMINH CITY	19,700	4,882 (208)	19,960 (0.8)	24.2	10.5	9.6	136.4	9.6	9.7	1.0	1.0	-0.5	6.2	-1.0	-12.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,590	2,038 (0.87)	76,549 (3.3)	46.6	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-6.5	-31.5	-79.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,800	7,714 (329)	18,278 (0.8)	33.8	9.3	6.9	-12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	-6.0	1.0	9.0	-18.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	57,400	4,379 (187)	12,733 (0.5)	2.6	8.5	7.7	-39.4	6.4	6.8	0.5	0.5	-7.0	8.3	6.7	11.9
	REE	REE	29,300	9,084 (387)	17,882 (0.8)	0.0	5.4	4.6	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	-5.0	-3.8	-1.7	-19.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	64,500	123,450 (5,262)	58,124 (2.5)	45.6	16.3	12.1	-17.6	15.9	20.4	2.5	2.4	-6.3	-3.7	11.4	-31.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,550	5,628 (240)	8,985 (0.4)	31.3	8.0	7.5	-3.5	17.0	18.0	1.3	1.3	1.8	6.3	11.7	-9.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,500	7,534 (321)	5,157 (0.2)	32.5	7.4	7.9	-7.1	16.8	15.8	1.2	1.2	-1.7	-4.3	6.8	-12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	20,200	55,774 (2,377)	162,411 (6.9)	12.6	6.6	5.1	-1.1	17.5	19.2	1.0	0.9	-4.7	1.3	8.6	-14.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,800	5,792 (247)	25,778 (1.1)	32.0	10.5	9.9	-4.1	7.6	8.5	0.7	0.7	-0.3	3.9	26.5	14.3
	DCM	PETROCA MAU FER	7,450	3,944 (168)	7,730 (0.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	5.5	15.5	25.8	14.6
	HSG	HOA SENG GROUP	6,240	2,641 (113)	31,282 (1.3)	31.5	6.7	5.1	0.0	7.0	8.5	0.4	0.4	-6.9	3.3	7.2	-20.1
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	11,450	1,960 (084)	23,343 (1.0)	36.8	5.0	8.4	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	-6.1	6.0	8.0	-9.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,850	48,645 (2,073)	49,289 (2.1)	6.9	12.9	11.7	6.8	17.0	19.8	2.3	2.1	-6.9	3.2	0.6	-27.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,720	4,093 (174)	54,977 (2.3)	34.3	31.4	12.5	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	-7.0	0.2	10.8	-35.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,250	2,885 (123)	18,936 (0.8)	21.9	5.5	5.0	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.6	-6.8	12.8	21.3	-39.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	79,400	35,954 (1,532)	139,252 (5.9)	0.0	8.9	7.2	15.5	29.9	30.7	2.3	1.8	-5.8	6.1	2.8	-30.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	57,900	13,038 (556)	52,657 (2.2)	0.0	12.1	10.2	7.9	23.6	23.1	2.5	2.0	-3.8	0.7	5.3	-32.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	57,500	1,697 (072)	2,311 (0.1)	68.8	24.2	17.6	-28.1	6.8	8.6	1.6	1.5	-6.5	15.6	9.5	55.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,900	1,493 (064)	8,434 (0.4)	7.2	9.9	9.1	-33.4	11.1	10.6	0.9	0.8	0.3	30.8	33.1	-10.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	41,100	5,569 (237)	23,249 (1.0)	40.4	5.2	5.7	30.3	38.0	30.4	1.8	1.6	-5.9	0.5	-0.5	7.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	90,100	11,780 (502)	2,828 (0.1)	45.8	18.7	17.8	4.1	19.2	18.7	3.3	3.1	0.0	2.6	15.5	-1.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,000	4,426 (189)	1,273 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	0.9	3.9	8.7
IT	FPT	FPT CORP	49,300	33,606 (1,432)	106,336 (4.5)	0.0	9.9	8.6	18.4	24.6	25.3	2.2	1.9	-3.9	-0.4	3.4	-15.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

